

Chỉ số giá tiêu dùng
Chỉ số giá vàng và chỉ số giá đôla Mỹ cả nước
Tháng 03 năm 2009

	Chỉ số giá tháng 03 năm 2009 so với				%
	<i>Kỳ gốc năm 2005</i>	<i>Tháng 03 năm 2008</i>	<i>Tháng 12 năm 2008</i>	<i>Tháng 02 năm 2009</i>	Chỉ số giá quý I năm 2009 so với quý I năm 2008
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	148,00	111,25	101,32	99,83	114,47
I, Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	174,54	117,05	101,60	99,54	122,19
Trong đó: 1- Lương thực	195,05	123,99	102,06	101,27	132,46
2- Thực phẩm	165,00	112,67	100,69	98,45	117,03
3, Ăn uống ngoài gia đình	178,70	121,01	103,43	100,29	124,90
II, Đồ uống và thuốc lá	134,35	111,68	103,06	100,35	112,31
III, May mặc, mũ nón, giày dép	131,11	111,17	102,10	100,19	112,02
IV, Nhà ở và vật liệu xây dựng ^(*)	141,55	103,11	102,68	100,30	105,25
V, Thiết bị và đồ dùng gia đình	129,66	111,08	101,66	100,34	111,95
VI, Dược phẩm, y tế	125,17	108,63	101,12	100,29	108,98
VII, Phương tiện đi lại, bưu điện	118,35	95,23	95,91	99,45	99,73
Trong đó: Bưu chính viễn thông	76,17	90,75	97,13	100,00	90,82
VIII, Giáo dục	115,58	106,44	100,20	100,09	106,61
IX, Văn hoá, thể thao, giải trí	118,55	107,93	101,47	99,88	109,81
X, Đồ dùng và dịch vụ khác	139,55	110,90	104,25	100,26	111,28
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	226,81	104,21	115,55	105,44	104,93
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	110,66	111,16	102,60	100,19	109,53

(*) Nhóm này bao gồm: nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng,